|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH TRÀ VINH**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**Số: /BC-SKHĐT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Trà Vinh, ngày tháng năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá thực trạng các vấn đề có liên quan**

 **đến chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**PHẦN I.**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11/2016/NQ-HĐND NGÀY 08/12/2016 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**

**I. SƠ LƯỢC QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN**

Để tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, tạo sức hút kêu gọi nhà đầu trong và ngoài nước tìm hiểu và đầu tư trên địa bàn tỉnh, bên cạnh các chính sách hiện có của Trung ương, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh *(gọi tắt Nghị quyết số 11)* và đã qua 03 lần sửa đổi, bổ sung (tại Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 và Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020).

Ngay sau khi Nghị quyết được ban hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách tại các Công văn số 4502/UBND-THNV ngày 21/12/2016; Công văn số 388/UBND-TH ngày 07/2/2017; Công văn số 1496/UBND-THNV ngày 24/4/2019; Công văn số 5139/UBND-THNV ngày 17/12/2020. Trên cơ sở đó, các Sở, Ban ngành tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung được hỗ trợ tại Nghị quyết cụ thể như:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn Điều 17, Điều 18 của Nghị quyết đối với dự án đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp *(Hướng dẫn số 188/HD-SKHĐT ngày 20/02/2017)*;

- Cục Thuế tỉnh trên cơ sở quy định của pháp luật về thuế, ban hành văn bản hướng dẫn trình tự thực hiện chính sách thuế nên tại Điều 6 của Nghị quyết; căn cứ quy định pháp luật về đất đai hướng dẫn trình tự thực hiện việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước nêu tại Điều 7 của Nghị quyết.

- Ban Quản lý Khu kinh tế ban hành hướng dẫn tại Điều 17, Điều 18 và Khoản 2 Điều 8 tại Nghị quyết đối với các dự án đầu tư trong khu kinh tế và các khu công nghiệp *(Hướng dẫn số 01/HD-BQLKKT ngày 27/02/2017)*.

- Sở Xây dựng ban hành thực hiện hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng theo Khoản 2, Điều 10 của Nghị quyết (Hướng dẫn số 135/HD-SXD ngày 20/02/2017);

- Sở Công Thương hướng dẫn khoản 3 Điều 9, Điều 12 và khoản 2 Điều 16 của Nghị quyết *(tại Quyết định số 22/QĐ-SCT ngày 20/02/2017)*;

- Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 của Nghị quyết *(tại Hướng dẫn số 126/HD-SGTVT ngày 20/02/2017)*;

- Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn Điều 13 của Nghị quyết *(tại Hướng dẫn số 170/HD-SKHCN ngày 13/3/2017, Hướng dẫn số 365/HD-SKHCN ngày 17/5/2018, Hướng dẫn số 975/HD-SKHCN ngày 14/10/2019)*;

- Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 9, Điều 11 và Điều 15 của Nghị quyết *(tại Hướng dẫn số 02/HD-STNMT ngày 29/5/2017)*;

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn Điều 14 của Nghị quyết *(Hướng dẫn số 253/HD-SLĐTBXH ngày 24/02/2017; Hướng dẫn số 1073/HD-SLĐTBXH ngày 30/6/2017 và một số văn bản hướng dẫn khác có liên quan).*

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Đối tượng thụ hưởng**

Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, bao gồm: doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam; hộ kinh doanh, cá nhân; tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đồng thời, tùy theo từng lĩnh vực mà nội dung hỗ trợ có đối tượng thụ hưởng khác nhau.

**2. Nội dung chính sách**

- Ưu đãi về thuế, đất đai: được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Hỗ trợ đầu tư của tỉnh gồm 11 nội dung, cụ thể:

*(1)* Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng *(10% đối với dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, 20% đối với dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp)*;

*(2)* Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông đến chân hàng rào của dự án;

*(3)* Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng (50% đối với dự án nhà đầu tư tự san lấp mặt bằng trong cụm công nghiệp);

*(4)* Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý môi trường (30% chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng đối với dự án trong KKT, KCN, CCN và không quá 300 triệu đồng đối với dự án ngoài KKT, KCN, CCN);

*(5)* Hỗ trợ chi phí mua sắm máy móc, thiết bị (30% nhưng không quá 500 triệu đồng) và hỗ trợ lãi suất vốn vay (20% trong 02 năm) đối với đầu tư chế biến, bảo quản nông sản, thủy hải sản;

*(6)* Hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động;

*(7)* Hỗ trợ công cụ cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

*(8)* Hỗ trợ Hệ thống quản lý chất lượng;

*(9)* Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại;

*(10)* Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp;

*(11)* Khen thưởng xúc tiến đầu tư.

**3. Kết quả thực hiện từ khi ban hành Nghị quyết số 11 đến hết năm 2021**

Qua hơn 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11, có trên 500 doanh nghiệp được hỗ trợ/thụ hưởng chính sách với tổng kinh phí 445,399 tỷ đồng, cụ thể như sau:

***3.1. Hỗ trợ thuế***

Thực hiện triển khai, công khai và tư vấn kịp thời, đầy đủ đến các đối tượng thụ hưởng ưu đãi, tuyên truyền đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện theo chính sách được hỗ trợ theo Nghị quyết. Trong giai đoạn 2016-2021, có 130 doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 5,675 tỷ đồng([[1]](#footnote-1)).

***3.2. Hỗ trợ đất đai***

Thực hiện ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với 342 doanh nghiệp với số tiền thuê đất được miễn, giảm là 394,720 tỷ đồng([[2]](#footnote-2)). Trong đó, ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với trường hợp thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê cho 60 doanh nghiệp với số tiền là 306,574 tỷ đồng([[3]](#footnote-3)); miễn giảm đối với trường hợp thuê đất nộp hàng năm cho 282 doanh nghiệp với số tiền 88,146 tỷ đồng([[4]](#footnote-4)).

***3.3. Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng***

Hiện nay, có 01 dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Cổ Chiên([[5]](#footnote-5)) đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 17/3/2021 *(dự án đang trong giai đoạn thực hiện giải phóng mặt bằng, hiện nay Ban Quản lý Khu kinh tế đang hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục để hưởng chính sách theo quy định tại Điều 8 Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và Điều 9 Hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng).*

***3.4. Hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật***

*- Lĩnh vực giao thông:* Hỗ trợ đầu tư 03 dự án với tổng mức đầu tư 27,969 tỷ đồng. Hiện nay đã có 02 dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng([[6]](#footnote-6)); 01 dự án đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến hoàn thành trong Quý II/2022([[7]](#footnote-7)).

 **-** *Lĩnh vực công thương:* Đã hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng Chợ tại Khu công nghiệp Long Đức của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng chợ Lợi Nhân với số tiền 0,4 tỷ đồng.

*- Lĩnh vực xây dựng:*Hỗ trợ nhà đầu kết cấu hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào Nhà máy xử lý chất thải rắn thị xã Duyên Hải với tổng mức đầu tư 9,429 tỷ đồng([[8]](#footnote-8)).

***3.5. Hỗ trợ đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp có trong quy hoạch được phê duyệt nhưng chưa được đầu tư hạ tầng***

*(Không có doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ)*

***3.6. Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý môi trường***

*(Không có doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ)*

***3.7. Hỗ trợ đầu tư chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản***

Đã thực hiện hỗ trợ 02 dự án với số tiền 2,5 tỷ đồng gồm: dự án đầu tư mở rộng, ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ để chế biến thủy sản với số tiền 0,5 tỷ đồng của Công ty TNHH MTV Quận Nhuần và dự án của Công ty TNHH Lương thực Hiệp Tài với số tiền 02 tỷ đồng.

***3.8. Hỗ trợ tư vấn cho tạo lập, đăng ký và bảo hộ tài sản trí tuệ; hỗ trợ áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp; hỗ trợ áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng***

Đã hỗ trợ với tổng kinh phí 4,646 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ 20 tổ chức, doanh nghiệp xây dựng và áp dụng 10 hệ thống quản lý chất lượng và 16 công cụ cải tiến năng suất và chất lượng với kinh phí 0,95 tỷ đồng;

- Hỗ trợ các tổ chức cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trong nước cho 10 nhãn hiệu tập thể, 30 nhãn hiệu thông thường với tổng kinh phí 0,273 tỷ đồng;

- Hỗ trợ tạo lập và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhân “Dừa Sáp Cầu Kè” huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh với tổng kinh phí 0,158 tỷ đồng;

- Hỗ trợ trực tiếp trong đăng ký bảo hộ cho 07 sáng chế/giải pháp hữu ích;

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho 09 nhãn hiệu tập thể, 40 nhãn hiệu độc quyền, 04 sáng chế/giải pháp hữu ích, 01 nhãn hiệu quốc tế, 02 kiểu dáng công nghiệp quốc tế với tổng kinh phí 0,708 tỷ đồng;

- Triển khai thực hiện Dự án bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Trà Vinh” cho sản phẩm tôm; Đề án đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Trà Vinh” cho sản phẩm dừa sáp và Đề án “ Xây dựng bảo hộ và quản lý nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm lúa, gạo hữu cơ huyện Châu Thành” với tổng kinh phí là 2,557 tỷ đồng.

***3.9. Hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động***

Có doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ tuy nhiên không phù hợp với quy định danh mục ưu đãi đầu tư tại Điều 3 Nghị quyết số 11 như: Công ty TNHH Bestmate Việt Nam; Công ty Cổ phần cắt may sofa Hoa Sen, Công ty CY Vina, Công ty Lealo, Công ty Mỹ Phong, Công ty Vina, Công ty Sunju, Công ty Đế Vương,….

***3.10. Hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường***

*(Không có doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ)*

***3.11. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch***

*(Không có doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ)*

***3.12. Khen thưởng xúc tiến đầu tư***

*(Không có doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ)*

***3.13. Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp***

*(Không có doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ)*

**III.** **NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm**

- Việc ban hành Nghị quyết về các chính sách để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào tỉnh là một chủ trương đúng đắn, kịp thời nhằm huy động các nguồn lực xã hội đầu tư vào các lĩnh vực mà tỉnh ưu tiên kêu gọi đầu tư, góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từ 2016-2021, trên địa bàn tỉnh thu hút đầu tư được 248 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 34.791 tỷ đồng và khoảng 521 triệu USD *(trong đó có 229 dự án trong nước với vốn đăng ký 34.791 tỷ đồng và 19 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 521 triệu USD)*, giải quyết việc làm cho 14.000 lao động.

- Công tác triển khai thực hiện các chính sách được quan tâm chỉ đạo từ các cấp lãnh đạo tỉnh đến địa phương.

- Góp phần thu hút đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, tiềm năng lợi thế của như: đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, xây dựng chợ nông thôn, cơ sở giáo dục, năng lượng tái tạo, kinh tế biển…; tạo điều kiện cho doanh nghiệp của tỉnh đầu tư mở rộng, ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ mới để chế biến thủy hải sản.

- Góp phần nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về bảo hộ tài sản trí tuệ, nâng cao nhận thức về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất. Đây là điều kiện để tạo ra giá trị gia tăng, tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần cho sự phát triển bền vững nền kinh tế tỉnh([[9]](#footnote-9))*.*

**2. Tồn tại, hạn chế**

- Thực tế quá trình triển khai chính sách đã phát sinh những khó khăn,vướng mắc dẫn đến kết quả chưa đạt như mong muốn; mặc dù, có nhiều dự án đầu tư vào tỉnh nhưng số lượng nhà đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư từ Nghị quyết số 11 rất ít. Hằng năm, ngân sách tỉnh đều bố trí kinh phí để đảm bảo thực hiện hỗ trợ cho nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh theo các quy định của Nghị quyết nhưng không giải ngân hết.

- Đối với việc hỗ trợ đầu tư các công trình đến chân hàng rào dự án cần thực hiện đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện dự án của doanh nghiệp để kịp thời vận hành khai thác đồng bộ. Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư các công trình xây dựng thì cần phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách và Luật Xây dựng,... nên việc thực hiện theo các quy định này có thể dẫn đến tình trạng dự án của doanh nghiệp đã đầu tư xong nhưng chưa hỗ trợ kịp thời đường kết nối đến chân hàng rào dự án.

**IV.** **NGUYÊN NHÂN**

Việcthực hiện các Nghị quyết nêu trên với kết quả chưa đạt như mục tiêu đề ra là do một số nguyên nhân sau:

**1. Chủ quan**

- Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết chưa được thường xuyên; Công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ chưa chủ động thông tin, giới thiệu chính sách đến nhà đầu tư để họ có sự lựa chọn cho phù hợp và có lợi nhất.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động theo mô hình gia đình, điều kiện cơ sở vật chất, trình độ khoa học – kỹ thuật còn hạn chế, chưa chủ động tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ít tham gia các hội nghị, tập huấn nên chưa khai thác, thụ hưởng triệt để chính sách hỗ trợ của tỉnh.

**2. Khách quan**

- Chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư có dự án tiềm năng lớn để đầu tư vào các lĩnh vực phù hợp với chính sách của địa phương ban hành: chưa có nhà đầu tư về lĩnh vực đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong KKT, KCN, CCN (nội dung hỗ trợ tại Điều 8, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 11); không có dự án chế biến, bảo quản thịt, cá, rau, củ, quả (nội dung hỗ trợ tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 11).

- Có nhiều dự án đầu tư ngoài KKT, KCN, CCN nhưng do đa phần địa điểm thuận lợi giao thông nên nhà đầu tư không có nhu cầu hỗ trợ (nội dung hỗ trợ tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 11).

- Doanh nghiệp, nhà đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh không phù hợp với danh mục ưu đãi đầu tư tại Điều 3 nên không tiếp cận và thụ hưởng được chính sách về hỗ trợ đào tạo lao động.

- Do nội dung hỗ trợ gồm nhiều lĩnh vực nên thủ tục đề nghị hỗ trợ đầu tư liên quan đến lĩnh vực nào thì cơ quan đó hướng dẫn, không có cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ của nhà đầu tư, đây là cũng là nguyên nhân làm cho nhà đầu tư hạn chế tiếp cận chính sách.

**Phần II.**

**BỐI CẢNH, NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, BAN HÀNH CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, THU HÚT ĐẦU TƯ MỚI**

**I. BỐI CẢNH THU HÚT, ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA**

Qua hơn 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (Nghị quyết số 11), đã tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư. Tình hình thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh đã đạt nhiều kết quả tích cực, số nhà đầu tư đến tìm hiểu môi trường đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư và đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh có nhiều tín hiệu khả quan, qua đó thu hút được nhiều dự án đầu tư phù hợp với định hướng phát triển, tiềm năng lợi thế của tỉnh, đặc biệt là các dự án trên lĩnh vực nông nghiệp, năng lượng tái tạo, may mặc… giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động địa phương và đóng góp tích cực cho ngân sách.

Qua đó, nhiều công trình, dự án đầu tư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sau khi Nghị quyết 11 ban hành, tỉnh đã thu hút đầu tư được 248 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 34.791 tỷ đồng và khoảng 521 triệu USD *(trong đó có 229 dự án trong nước với vốn đăng ký 34.791 tỷ đồng và 19 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 521 triệu USD)*, giải quyết việc làm cho 14.000 lao động. Các dự án đầu tư được phê duyệt chủ yếu là thuộc lĩnh vực sản xuất năng lượng, giày da, may mặc, chế biến thủy sản như: Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải, các dự án điện gió([[10]](#footnote-10)), Nhà máy sản xuất của Cty TNHH TM&SX Bảo Tiên([[11]](#footnote-11)), Nhà máy chế biến thủy sản Thông Thuận Trà Vinh, Công ty TNHH Giày da Mỹ Phong... góp phần giải quyết việc làm, tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và các quy định pháp luật có liên quan đã được ban hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho hoạt động đăng ký đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh... Từ đó, qua rà soát nhận thấy Nghị quyết số 11 có nhiều điểm không còn phù hợp với luật định. Mặt khác, do điều kiện ngân sách của tỉnh còn hạn chế nên trong quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư chưa đầy đủ các lĩnh vực phát triển trọng tâm của tỉnh. Theo đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư ban hành kèm theo Nghị quyết 11 của tỉnh vẫn chưa thật sự đáp ứng kỳ vọng cũng như chưa tạo được sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã xác định rõ các chương trình, đề án, lĩnh vực mang tính đột phát, thể hiện quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong toàn tỉnh nhằm tạo ra sự phát triển mạnh mẽ trong nhiệm kỳ 2021-2025: ‘‘***phấn đấu Trà Vinh đạt chuẩn Nông thôn mới trước năm 2025, là tỉnh phát triển trong nhóm đầu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trước năm 2030’’***, đề ra mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm đạt từ 10 - 11%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội 05 năm đạt 160.000 tỷ đồng; số doanh nghiệp thành lập mới trong 05 năm 2.500 doanh nghiệp; thu ngân sách (thu nội địa) bình quân hàng năm tăng 12%/năm.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI là “*đột phá về cải cách hành chính, hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và tạo quỹ đất để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp”;* Kế hoạch số 145-KH/TU ngày 23/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh về tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phát năm 2020 và những năm tiếp theo, trong đó đã đưa ra nhiệm vụ *tập trung đột phát cơ chế, chính sách nhằm thu hút tối đa các nguồn lực phát triển nhanh, bền vững kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, thương mại – dịch vụ, du lịch và phát triển nguồn nhân lực*. Để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm này, giai đoạn 2016-2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã hành Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và đã qua 03 lần sửa đổi, bổ sung (tại Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 và Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020).

Tuy nhiên, các Nghị quyết trên còn thiếu nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư toàn diện để thu hút các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng trong và ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn... như nhiệm vụ trọng tâm của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đã xác định, cần phải có các giải pháp mang tính đột phá trong thu hút đầu tư và xã hội hóa đầu tư để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách nhà nước. Vì vậy, việc nghiên cứu ban hành thay thế Nghị quyết số 11, với nhiều cơ chế chính sách toàn diện, vừa phù hợp với quy định của pháp luật, vừa khuyến khích, hỗ trợ và tạo động lực cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh góp phần khai thác lợi thế của tỉnh, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thu hút lao động, tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu ngân sách cho tỉnh là điều hết sức cần thiết.

**II. MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Mục tiêu chung:** Quy định chính sách hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là văn bản thể hiện chính sách riêng của tỉnh Trà Vinh nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc tạo môi trường thông thoát, sức hút hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước, huy động các nguồn lực đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương, hiện thực hóa các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Thay thế Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 và Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020.

- Quy định chính sách hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, tạo động lực và khuyến khích, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

**III. DỰ KIẾN NỘI DUNG HỖ TRỢ**

1. Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng;

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án;

3. Hỗ trợ tuyển dụng; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;

4. Hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước;

5. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, giới thiệu sản phẩm;

6. Hỗ trợ cung cấp thông tin, thành lập doanh nghiệp.

**IV. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH MỚI**

- Kinh tế: việc ban hành chính sách mới sẽ phù hợp theo quy định những nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Nội dung có quy định hỗ trợ *phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư* là điểm nhấn của chính sách mới để thu hút cácnhà đầu tư có dự án tiềm năng lớn để đầu tư vào các lĩnh vực phù hợp với chính sách của địa phương ban hành góp phần thu hút đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, tiềm năng lợi thế của như: đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, xây dựng chợ nông thôn, cơ sở giáo dục, năng lượng tái tạo, kinh tế biển…; tạo điều kiện cho doanh nghiệp của tỉnh đầu tư mở rộng, ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ mới. Tuy nhiên, để thực hiện chính sách trên thì một phần ngân sách tỉnh phải chi ra để thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Xã hội: việc thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiềm năng đến đầu tư sẽ góp phần giải quyết việc làm mới cho người dân tại địa phương và vùng lân cận, huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển kinh tế tư nhân nói chung và doanh nghiệp, nhà đầu tư nói riêng khi đến đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Môi trường: Do sản xuất, kinh doanh các doanh nghiệp, nhà đầu tư phải đáp ứng về tiêu chí môi trường, đầu tư công nghệ vì vậy khi chính sách được áp dụng sẽ góp phẩn cải tạo môi trường trong sản xuất hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Tác động về giới: Chính sách hỗ trợ nếu được áp dụng không ảnh hưởng về giới.

Trên đây là nội dung báo cáo thực trạng thực hiện Nghị quyết số 11 trên địa bàn tỉnh thời gian qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBND tỉnh; - Thành viên Tổ 275;- GĐ; các PGĐ Sở;- Lưu: VT, THKTKG.L.10 | **KT. GIÁM ĐỐC****PHÓ GIÁM ĐỐC****Lâm Hữu Phúc** |

1. Trong đó: Năm 2016 có 01 doanh nghiệp được ưu đãi số thuế TNDN với số tiền 3,527 tỷ đồng; năm 2017 có 02 doanh nghiệp được hưởng ưu đãi số thuế TNDN 366,857 triệu đồng; năm 2018 có 03 doanh nghiệp được ưu đãi số thuế TNDN 992,996 triệu đồng; năm 2019 có 51 doanh nghiệp được ưu đãi số thuế TNDN 1,508 tỷ đồng; năm 2020 có 73 doanh nghiệp được ưu đãi số thuế TNDN 2,804 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trong đó: Năm 2016 có 08 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 98,912 tỷ đồng; năm 2017 có 29 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 26,4 tỷ đồng; năm 2018 có 33 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 25,411 tỷ đồng; năm 2019 có 39 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 15,892 tỷ đồng; năm 2020 có 100 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 191,757 tỷ đồng; năm 2021 có 133 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 36,345 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trong đó: Năm 2016 có 02 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 91,510 tỷ đồng; năm 2017 có 10 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 12,897 tỷ đồng; năm 2018 có 07 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 11,088 tỷ đồng; năm 2019 có 05 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 1,056 tỷ đồng; năm 2020 có 21 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 174,694 tỷ đồng; năm 2021 có 15 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 15,327 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-3)
4. Trong đó: Năm 2016 có 06 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 7,402 tỷ đồng; năm 2017 có 19 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 13,503 tỷ đồng; năm 2018 có 26 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 14,322 tỷ đồng; năm 2019 có 34 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 14,835 tỷ đồng; năm 2020 có 79 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 17,063 tỷ đồng; năm 2021 có 118 doanh nghiệp với tổng số tiền được miễn 21,018 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-4)
5. Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư hạ tầng Trà Vinh. [↑](#footnote-ref-5)
6. Dự án Nâng cấp, mở rộng đường vào nhà máy của Công ty TNHH MTV Grace Vina (thuộc hương lộ 20) với tổng mức đầu tư 3,811 tỷ đồng; Dự án Cải tạo, nâng cấp đường nối Hương lộ 20 – Hương lộ 12, huyện Cầu Ngang (đường dẫn vào khu nuôi trồng vi tảo kết hợp Điện năng lượng mặt trời của Công ty TNHH Solagron – Thổ Nhĩ Kỳ) với tổng mức đầu tư 12,26 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-6)
7. Dự án Đường dẫn kết nối Tỉnh lộ 911 đến hàng rào của Nhà đầu tư Công ty TNHH TM&SX Bảo Tiên (sản xuất mặt hàng giày da) với tổng mức đầu tư 11,9 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-7)
8. Do Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hải Vân làm chủ đầu tư. [↑](#footnote-ref-8)
9. Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân, hộ cá thể trong tổng đầu tư toàn xã hội trên 68%, đóng góp của kinh tế tư nhân trong GRDP gần 62%. [↑](#footnote-ref-9)
10. Nhà máy điện gió Trà Vinh 1 (vị trí V1-1) của Công ty Cổ phần điện gió Trà Vinh 1, Nhà máy điện gió V1-2 (vị trí V1-2) của Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh; Nhà máy điện gió số 3 ( vị trí V1-3) của Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh; Nhà máy điện gió Hiệp Thạnh ( vị trí V1-5, V1-6) của Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Ecotech Trà Vinh; Nhà máy điện gió Đông Hải 1 (vị trí V1-7) của Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh, với sản lượng điện hòa lưới điện quốc gia trong tháng 10/2021 khoảng 220 triệu kWh, ước doanh thu khoảng 500 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-10)
11. Diện tích giai đoạn 1 là 100.000m2, với tổng vốn đầu tư 600 tỷ đồng, ba dây chuyền sản xuất đã chính thức hoạt động với công suất 5 triệu đôi giày và 3 triệu túi xách thời trang mỗi năm dành cho cả xuất khẩu và nội địa; tạo việc làm cho hơn 5000 lao động tại địa phương. [↑](#footnote-ref-11)